

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hằng;
2. Bà Trần Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số: 242/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017, về việc “*tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Sy Vành N sinh năm: 1987; địa chỉ nơi cư trú: Số 75, Trần Hưng Đạo, khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang;

2. *Bị đơn:* Chị Nèang Srây T, sinh năm: 1992; địa chỉ nơi cư trú: Số 211/8, ấp Chơn Cô, xã A, huyện TB, tỉnh An Giang.

3. *Người phiên dịch:* Ông Lục Tà Dung – Công tác tại Đài truyền thanh huyện Tịnh Biên.

Anh Sy Vành N, chị Nèang Srây T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Sy Vành N trình bày: Được sự đồng ý của hai bên, anh N cùng chị T tổ chức đám cưới vào ngày 14/4/2015, sau đó sống với với gia đình anh N nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh N và chị T sống chung được 45 ngày. Ngày 30 tháng 6 năm 2015, T đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Do hôn nhân không hạnh phúc. Nên anh N yêu cầu ly hôn với chị T.

Trong thời gian chung sống, anh Sy Vanh N và chị Nèang Srây T có 01 con chung tên Nèang Sô Nita, sinh ngày 04/02/2016. Hiện đang sống với chị T. Anh N đồng ý để con chung cho chị T nuôi dạy, anh N không cấp dưỡng cho chị T nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Nèang Srây T thống nhất với lời trình bày của anh Sy Vanh N về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, chị T và anh N được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 14/4/2015, nhưng không có đăng ký kết hôn, sau ngày cưới chị T về làm dâu ở nhà chồng tại huyện Tri Tôn, chị và anh N sống chung với nhau được 03 tháng nhưng thường xuyên cãi vã nên đầu tháng 7/2015 chị T về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay anh Sy Vanh N yêu cầu ly hôn, chị T đồng ý.

Trong quá trình chung sống, chị Nèang Srây T và anh Sy Vanh N có 01 con chung tên Nèang Sô Nita, sinh ngày: 04/2/2016 đang sống cùng với chị T, chị T yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Sy Vanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Srây T. Đồng thời, chị Srây T cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Sy Vanh N và chị Nèang Srây T cùng thống nhất chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Từ căn cứ trên, tuyên bố không công nhận Sy Vanh N và chị Srây T là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, anh Sy Vanh N và chị Srây T thống nhất có một con chung tên Nèang Sô Nita, sinh ngày: 04/2/2016 đang sống cùng với chị T. Khi vợ chồng ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dạy con chung không yêu cầu anh Sy Vanh N cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Chị Nèang Srây T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Sy Vanh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ, cá nhân, tổ chức, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung, anh Sy Vanh N và chị Nèang Srây T thống nhất không có.

[2.4] Về án phí, anh Sy Vanh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Nèang Srây T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Sy Vanh N và chị Nèang Srây T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nèang Srây T được quyền tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nèang Sô Nita, sinh ngày: 04/2/2016. Anh Sy Vanh N không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Chị Nèang Srây T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Sy Vanh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ, cá nhân, tổ chức, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Anh Sy Vanh N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng mà anh N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên theo biên lai thu số TU/2015/0015885 ngày 10 tháng 10 năm 2017 thành án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Nèang Srây T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Sy Vanh N, chị Nèang Srây T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân H. Tịnh Biên (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS H. Tịnh Biên(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thanh Tòng